

Số: 76/KH-THPTTVL

Mỹ Lộc, ngày 27 tháng 02 năm 2021

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG
THPT TRẦN VĂN LAN
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

I. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ TRƯỜNG

1.1. Vị trí

Trường THPT Trần Văn Lan được đặt tại thôn Đệ Nhị, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Trường cách trung tâm thành phố Nam Định 03 km, gần khu di tích lịch sử nhà Trần. Đây là vị trí tương đối thuận lợi. Tuy nhiên, giao thông đi lại có những khó khăn nhất định.

1.2. Lịch sử hình thành

Trường THPT Trần Văn Lan thành lập năm 1999 theo Quyết định số 858/ QĐ-UBND ngày 09/7/1999 của UBND tỉnh Nam Định.. Khi mới thành lập trường có 10 lớp với tổng số gần 500 học sinh và 25 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đến nay nhà trường phát triển với 21 lớp, gần 800 học sinh và 58 cán bộ, giáo viên, nhân viên

1.3. Thành tích đã đạt được

Trải qua 20 năm xây dựng và phát triển, trường liên tục được công nhận là Tập thể lao động tiên tiến. Năm học 2017-2018, trường được nhận Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định. Năm học 2018-2019, trường được công nhận là Trường tiên tiến Xuất sắc. Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã nhận được nhiều Bằng khen của UBND tỉnh Nam Định, Liên đoàn Lao động tỉnh, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Giấy khen của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định.

Xuất phát từ cơ sở thực tế trên, trường THPT Trần Văn Lan xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. Kế hoạch nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược, các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động, phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường, hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của trường THPT Trần Văn Lan là hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện chính sách của Chính phủ về đổi mới giáo dục phổ thông, phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, hội nhập quốc tế.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

1. Cơ sở pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ VIII Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Nam Định, Chương trình công tác toàn khóa của BCH Đảng bộ tỉnh Nam Định nhiệm kỳ 2020-2025; Kế hoạch 74//KH-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Nam Định tiếp tục triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Mỹ Lộc nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội chi bộ trường THPT Trần Văn Lan nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Căn cứ kết quả đạt được trong 05 năm gần đây

a. Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm và kết quả các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, tốt nghiệp THPT và thi đại học từ năm học 2017-2018 đến nay

Năm học	Số HS	Hạnh kiểm				Học lực					
		% Tốt	% Khá	% TB	% Yếu	% Giỏi	% khá	% TB	% Yếu	% Kém	
2017-2018	671	94.4	5.34	0.28	0	10.3	76.2	13.4	0.14	0	
2018-2019	739	91.88	7.98	0.14	0	15.7	74.96	9.34	0	0	
2019-2020	765	97.91	1.83	0.3	0	19.2	76.5	4.31	0	0	
2020-2021	787	93.4	5.96	0.51	0	28.55	64.34	6.98	0	0	

Kết quả HSG tỉnh các năm

Năm học	Các môn VH	Các môn TDTT	HBTA	Giải phong trào khác	Giải toàn đoàn
2017-2018	1 giải nhì, 6 giải KK	1 giải nhất đá cầu, 3 giải KK	1 giải nhì HBTA		Đạt cờ KK môn HBTA

2018-2019	1 giải ba, 1 giải KK	1 giải nhất, 3 giải KK	1 giải nhì HBTA		Đạt cờ KK môn HBTA
2020-2021	1 giải nhất, 1 giải nhì, 11 giải KK	1 giải nhất, 4 giải nhì, 2 giải KK	3 giải KK	1 giải Ba, 7 giải KK các môn KH bằng tiếng Anh; 1 giải Ba, 1 giải KK KHKT,	Đạt cờ KK môn HBTA; Cờ giải ba HKPD Cờ Khuyến khích KHKT và STEM

Kết quả thi tốt nghiệp

Năm học	Số lượng	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	Xếp thứ tự so với các trường trong tỉnh
2017-2018	228	Tỉ lệ TN đạt 100%	33/56 trường THPT trong tỉnh
2018-2019	234	Tỉ lệ TN đạt 100%	27/56 trường THPT trong tỉnh
2019-2020	237	Tỉ lệ TN đạt 100%	16/56 trường THPT trong tỉnh

Kết quả sáng kiến kinh nghiệm

Năm học	Kết quả
2017-2018	1 giải cấp tỉnh, 5 giải cấp ngành. Tập thể đạt giải ba SKKN
2018-2019	01 sáng kiến được công nhận cấp ngành

b. Thành tích của giáo viên từ năm 2015 đến nay (tháng 01/2021)

- + Giáo viên giỏi cấp tỉnh, cấp cụm, cấp trường:
- + Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở: 48
- + Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh: 02
- + Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: 01
- + Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định: 02
- + Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam: 01
- + Bằng Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam: 0.

c. Thành tích của nhà trường từ năm 2015 đến nay (tháng 01/2021)

Năm	Thành tích
2015	Tập thể Lao động tiên tiến
	Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam tặng Bằng khen thực hiện tốt chính sách BHYT học sinh sinh viên năm học 2014-2015
2016	Tập thể Lao động tiên tiến
	Giám đốc sở GDĐT tặng Giấy khen tiết mục " I have dream" thể loại Song ca trường THPT Trần Văn Lan xếp loại xuất sắc Hội thi Hùng biện TA năm học 2015-2016
	Đạt giải KK toàn đoàn Hội thi GV dạy giỏi THPT Tỉnh ND năm học 2015-2016
	Đạt giải KK khó THPT cuộc thi Khoa học KT dành cho HS trung học năm học 2015-2016
2017	Tập thể Lao động tiên tiến
	Đạt giải KK toàn đoàn khối các trường THPT Hội thi Hùng biện TA cấp Tỉnh năm học 2017-2018
2018	Tập thể Lao động tiên tiến
	UBND tỉnh tặng Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua
	Chủ tịch Tỉnh tặng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức ĐH TDTT tỉnh lần thứ VIII năm 2018
	Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định trao Bằng công nhận Trường THPT Trần Văn Lan đạt chuẩn Quốc Gia
	Chủ tịch UBND huyện Mỹ Lộc tặng Giấy khen trường THPT Trần Văn Lan đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm 2018

	LDLD tỉnh Tặng Bằng khen CD cơ sở trường THPT Trần Văn Lan đã có thành tích trong phong trào CN, VC, LĐ và hoạt động CD năm học 2017-2018
2019	Chủ tịch Tỉnh tặng danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc năm học 2018-2019
	Sở GD và ĐT ND tặng đơn vị đạt giải KK toàn đoàn khối các trường THPT Hội thi Hùng biện TA cấp Tỉnh Năm học 2018-2019
	Cụm trường THPT Huyện ML-Vụ Bản Tặng đơn vị đạt giải 3 Hội thi giai điệu tuổi hồng năm 2019
2020	Tập thể Lao động tiên tiến
	Giám đốc Sở tặng Giấy khen trường THPT Trần Văn Lan : Đã có thành tích xuất sắc trong công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ giai đoạn 2011-2020
	Đạt giải KK toàn đoàn khối trường THPT ngày Hội STEM và cuộc thi khoa học kỹ thuật dành cho HS trung học năm học 2020-2021
	Đạt giải Nhì Hội thi GV dạy giỏi THPT cấp tỉnh năm học 2020-2021
2021	Chủ tịch UBND huyện Mỹ Lộc tặng danh hiệu trường THPT Trần Văn Lan đã hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác năm 2020
	Giám đốc Sở tặng Giấy khen trường THPT Trần Văn Lan : Đã có thành tích trong công tác tăng cường CSVN lớp học năm 2020
	Giám đốc Sở GD-ĐT tỉnh ND tặng Giấy khen có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, đóng góp vào thành công Hội Khỏe Phù Đổng tỉnh ND - lần thứ X năm 2021.
	Đạt giải KK toàn đoàn khối trường THPT Hội thi Hùng biện TA cấp Tỉnh ND lần thứ IX năm học 2020-2021.
	Ban Tổ chức Hội khỏe Phù Đổng Tỉnh ND lần thứ X-2021 Tặng Đơn vị đạt giải Ba toàn đoàn khối trường THPT .

2.2. Căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường

Hiện tại nhà trường có 51 cán bộ, giáo viên, nhân viên trong biên chế (*chưa kể hợp đồng*).

Lãnh đạo nhà trường đủ 03 đồng chí theo tiêu chuẩn. Có 02 đồng chí có trình độ Thạc sĩ, 01 đồng chí đang học sau đại học; có 02 đồng chí đạt trình độ lý luận chính trị cao cấp, trung cấp (01 đồng chí). Đồng chí Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, 03/6 đồng chí tổ trưởng chuyên môn đã có bằng trung cấp lý luận chính trị. 01/6 đồng chí tổ trưởng chuyên môn có chứng chỉ bồi dưỡng CBQL giáo dục. Nhà trường luôn quan tâm bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ giáo viên. 100% cán bộ, giáo viên nhà

trường được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông mới với các mô đun theo quy định.

- Độ tuổi trung bình: 38 Số GV ở độ tuổi 30-39 là: 35 người, chiếm số đông trong GV; độ tuổi 40-49 là: 21 người; độ tuổi dưới 29 là : 2 người;

- Số lượng, cơ cấu: so với chuẩn 2,25 GV/lớp, hiện nay nhà trường có 2,28 GV/lớp, dư khoảng 0,03 GV/lớp.

- Chất lượng:

- + Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ giáo viên: Có 09/51 Thạc sĩ chiếm 17,6 %; 42/51 đồng chí có Cử nhân chiếm 82,4 %; có 05 là giáo viên THPT hạng II chiếm 9,8 %; 45/51 đồng chí có chứng chỉ ứng dụng CNTT chiếm 88,2 %; 25/51 đồng chí có chứng chỉ ngoại ngữ chiếm 49,01 %; 02 đồng chí có trình độ lý luận chính trị cao cấp, 04 đồng chí có trình độ lý luận chính trị trung cấp; có 04 đ/c có chứng chỉ QLGD; có 04 đ/c có chứng chỉ tư vấn tâm lý; có 4 bộ môn có giáo viên có trình độ Thạc sĩ.

2.3. Căn cứ vào tình hình học sinh nhà trường

Trường THPT Trần Văn Lan nằm trên địa bàn xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Học sinh của nhà trường chủ yếu ở các xã Mỹ Tân, Mỹ Trung, Mỹ Phúc, Mỹ Hà. Trường cách thành phố không xa nên cũng là điểm đến của những học sinh từ các trường THCS giáp ranh. Điều kiện địa lý trên tạo cho nhà trường những thuận lợi nhưng cũng có không ít những khó khăn. Nhân dân địa phương đa phần làm nghề nông theo kiểu truyền thống, điều kiện kinh tế còn nhiều hạn chế. Điểm chuẩn đầu vào của nhà trường thấp so với mặt bằng chung của các trường THPT trong tỉnh Nam Định. Đây là một trong những khó khăn lớn cho nhà trường trong việc nâng cao chất lượng.

2.4. Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường

Trường có tổng diện tích 21.000 mét vuông với các khối phòng: Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng học tập; phòng hỗ trợ học tập; phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao. Cụ thể:

- + Khối phòng hành chính quản trị: Có 01 phòng Hiệu trưởng; 02 phòng Phó Hiệu trưởng; văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi; có khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; có khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che, đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

- + Khối phòng học tập: Có 21 phòng học; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt. Tuy nhiên có 10 phòng học chưa đủ diện tích theo quy định (nhỏ hơn 45 mét vuông); có 02 phòng học bộ môn Tin học; 01 phòng học thông minh; 01 phòng học bộ môn Vật lý; 01 phòng học bộ môn bộ môn

Sinh học. Chưa có phòng học bộ môn Âm nhạc; phòng học bộ môn Mỹ thuật; phòng học bộ môn Công nghệ; phòng học bộ môn Ngoại ngữ; phòng học đa chức năng; phòng học các bộ môn KHXH.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 01 phòng Thư viện nhưng chưa đủ chỗ đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh; 01 phòng tư vấn học đường; 01 phòng truyền thống; 01 phòng Đoàn Thanh niên. Chưa có phòng thiết bị giáo dục.

+ Khối phụ trợ: Có 01 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường; 06 phòng các tổ chuyên môn. Các phòng này đều chưa đảm bảo diện tích theo quy định (phòng họp chưa đủ $1,20\text{m}^2/\text{người}$; phòng tổ chuyên môn chưa đủ $30\text{m}^2/\text{phòng}$). Có 01 phòng Y tế với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh. Có khu để xe học sinh: có mái che nhưng còn chật chội, mái che xuống cấp; khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Trường có cổng, hàng rào, khuôn viên của trường ngăn cách với bên ngoài bằng tường xây, bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường kiên cố, vững chắc.

+ Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát; tuy nhiên do thiết kế xây dựng không phù hợp nên diện tích sân hẹp, chưa đủ chỗ cho các hoạt động. Trường có nhà đa năng phục vụ các hoạt động thể dục thể thao.

+ Hạ tầng kỹ thuật

a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;

b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;

c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;

d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;

đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; tuy nhiên chưa có lối ra vào riêng. Việc thu gom, xử lý rác thải còn mang tính chất thủ công, thời vụ, chưa đảm bảo vệ sinh môi trường.

III. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG

1. Môi trường bên trong

Lĩnh vực	Mặt mạnh	Mặt yếu
Đội ngũ CBGV	Thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của ngành giáo dục. Đảm bảo số lượng, 100% đạt chuẩn; 13,73% trên chuẩn. Trẻ, nhiệt tình. Đa số đều sống ở thành phố, có điều kiện tiếp cận với cái mới.	Còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy và giáo dục toàn diện học sinh. Chưa mạnh dạn đổi mới, sáng tạo, rụt rè, e ngại, chưa thực sự tự tin. Còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ, nhất là tiếng Anh. Đời sống còn nhiều khó khăn, hầu hết đang trong độ tuổi sinh đẻ hoặc nuôi con nhỏ. Nhiều GV mũi nhọn, có trình độ chuyên môn tốt thường chuyển về các trường THPT trong thành phố có điều kiện và thu nhập tốt hơn. Rất ít GV đảm nhận được các công việc đòi hỏi trình độ chuyên môn cao: Bồi dưỡng HSG, hướng dẫn KHKT...
Học sinh	Đa số học sinh có đạo đức tốt, tự giác chấp hành nội quy nhà trường và pháp luật nhà nước. Có đức tính cần cù, chịu khó.	Khả năng nhận thức hạn chế, nhiều học sinh hổng kiến thức ở THCS, thiếu khả năng tự học. Một số học sinh có tư tưởng bỏ học vì học yếu và thiếu động lực phấn đấu trong học tập. Còn hạn chế về kỹ năng sống, kỹ năng học tập hiện đại. Thiếu tính sáng tạo, tự tin Còn hạn chế về ngoại ngữ Chất lượng đầu vào học sinh của nhà trường thấp so với mặt bằng chung của các trường THPT trong tỉnh, nhất là môn Toán.

CSVC, Thiết bị, diện tích	Có đủ phòng học, phòng làm việc, bàn ghế học sinh; đủ diện tích đất theo quy định của trường chuẩn quốc gia theo thông tư 18/2018 Thiết bị CNTT phủ 100% phòng học thông thường (máy chiếu, hệ thống mạng LAN tới từng lớp học), 01 phòng học thông minh; 02 phòng học tin; có các phòng học thực hành Lý, Hóa, Sinh. Có nhà đa năng phục vụ các hoạt động TDDT và các hoạt động ngoại khóa.	Các phòng thực hành, thí nghiệm; phòng bộ môn chưa đủ diện tích theo quy định tại thông tư 13/2020 ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Một số thiết bị dạy học của các phòng thực hành Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ đã cũ, hỏng, thiếu chính xác, thiếu đồng bộ. Một số máy tính các phòng thực hành Tin đã cũ. Các điều kiện về phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện ...chưa đáp ứng yêu cầu trường chuẩn theo Thông tư 13/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Sân vận động đã cải tạo nhưng chưa đáp ứng yêu cầu của học sinh.
Thông tin	Hệ thống thông tin tốt đảm bảo về mặt truyền thông. Sử dụng nhiều phần mềm tiện ích. Có máy vi tính cho học sinh học tập, cho CB, GV, NV làm việc theo quy định. Trường có Website riêng.	Trình độ ngoại ngữ, tin học của một số CBGV chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Mở rộng quan hệ cộng đồng còn hạn chế

Tài chính	Ngân sách theo chỉ tiêu được cấp đầy đủ hằng năm. Trường tự chủ về nguồn tài chính được cấp. Ngoài ra còn có nguồn thu từ học phí theo quy định của Nhà nước và nguồn hỗ trợ của CMHS. Việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ đã tạo thuận lợi cho nhà trường chủ động chi tiêu mọi hoạt động.	Năng lực hoạt động kinh tế trường học còn hạn chế. Nguồn thu thêm để phát triển chủ yếu là nguồn huy động hằng năm để khen thưởng học sinh giỏi, giúp đỡ cho học sinh nghèo vượt khó. CMHS chủ yếu làm nông nghiệp, nghề nghiệp không ổn định, kinh tế khó khăn, không có điều kiện hỗ trợ nhà trường. Việc huy động nguồn lực rất khó khăn. Trường mới thành lập (20 năm), cựu học sinh hầu như chưa có điều kiện để ủng hộ nhà trường về tài chính.
Đổi mới giáo dục	Có kế hoạch triển khai các hoạt động đổi mới giáo dục hằng năm. Phát huy năng lực của đội ngũ để thực hiện các đổi mới giáo dục. Tích cực ứng dụng CNTT vào việc đổi mới dạy học và quản lý.	Việc nhận thức về đổi mới giáo dục tương đối tốt nhưng hành động chưa theo kịp. Hiệu quả đổi mới chưa rõ nét. Hỗ trợ về tài chính cho việc đổi mới giáo dục còn hạn chế, chưa kích thích được sự sáng tạo của đội ngũ.
Lãnh đạo và quản lý	Đạt chuẩn đào tạo cán bộ quản lý. CBQL luôn tự học nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.	Trình độ ngoại ngữ còn hạn chế. Việc xây dựng văn hóa trường học đang ở mức độ trung bình, chưa đáp ứng so với yêu cầu đặt ra.

2. Môi trường bên ngoài

Lĩnh vực	Thời cơ (O)	Thách thức (T)
Cơ chế, chính sách	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan lĩnh vực GD&ĐT tương đối đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động của Nhà trường. Các văn bản hướng dẫn của Nhà nước và của ngành đã chỉ rõ định hướng phát triển nhà trường.	Một số văn bản về chế độ chính sách; cơ chế còn bất cập với thực tiễn.
Kinh tế địa phương, gia đình học sinh	Khu đô thị Mỹ Trung đang được hình thành. Việc cải tạo khu di tích lịch sử văn hóa đền Trần tạo thêm động lực phát triển kinh tế, xã hội địa phương cũng là động lực phát triển nhà trường. Phụ huynh học sinh luôn tin tưởng, quan tâm, ủng hộ nhà trường trong các hoạt động dạy và học	Đa số gia đình học sinh có kinh tế ở mức trung bình trở xuống, nhiều gia đình học sinh đang hưởng trợ cấp của nhà nước, thu nhập không ổn định, nhất là sau ảnh hưởng của đại dịch Covid 19. Trong khi nhà trường mới chỉ sửa sang cơ sở vật chất cũng như các điều kiện dạy học được vài năm trở lại đây, chưa có sức hút đối với học sinh khá, giỏi. Công tác xã hội hóa của nhà trường chưa thật tốt. Một số ít phụ huynh chưa nhận thức đúng về sự phối hợp giáo dục học sinh.
Văn hóa, xã hội	Nhiều địa phương, dòng họ có tổ chức khuyến học, thúc đẩy tốt việc học tập của học sinh. An ninh, chính trị ổn định tạo cơ hội cho việc phát triển giáo dục, đào tạo	Các biểu hiện sống xa hoa lãng phí, tệ nạn ngoài xã hội ít nhiều đã ảnh hưởng đến học đường, nhất là khu vực giáp ranh giữa thành phố Nam Định và huyện Mỹ Lộc, nơi trường đặt địa điểm.

Công nghệ	CNTT và truyền thông phát triển tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, lãnh đạo điều hành; nghiên cứu, học tập cho người dạy và người học, góp phần nâng cao dân trí, thúc đẩy nhu cầu học tập.	Sử dụng mạng internet và các phương tiện thông tin không đúng đắn đã làm ảnh hưởng đến thời gian học tập, tác động xấu đến nhận thức và hành vi của một số học sinh. Nhiều GV vẫn chưa quen với việc trao đổi thông tin qua các phần mềm trực tuyến.
Quan hệ cộng đồng, quốc tế	Nhiều tổ chức quốc tế được nhà nước cho phép hoạt động tại địa phương góp phần giải quyết kinh tế khó khăn, tạo điều kiện cho học sinh đi học	Quan hệ quốc tế cộng đồng càng ngày càng mở rộng, du nhập một số biểu hiện của lối sống thiếu văn minh ảnh hưởng việc rèn luyện đạo đức của học sinh.

IV. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA NHÀ TRƯỜNG TỪ 2021 -2025

1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương, có chất lượng giáo dục, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân.

2. Tầm nhìn

Là một trong những trường có chất lượng khá (trong top từ 15-20 trường THPT công lập) của tỉnh Nam Định mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên.

3. Giá trị

Tinh thần, trách nhiệm - Sáng tạo đổi mới

Hợp tác, chia sẻ - Đoàn kết, dân chủ

Kỷ cương, nền nếp - Truyền thống, hội nhập.

V. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường bước đầu có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Hoàn thành mục tiêu xây dựng trường Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 vào năm 2023.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đội ngũ cán bộ, giáo viên

Đảm bảo đủ biên chế được giao về đội ngũ nhà giáo, nhân viên hiện tại là 58, trong đó Ban giám hiệu: 03, nhân viên: 07. Đến năm 2030 là 73, trong đó Ban giám hiệu: 03, nhân viên: 07.

Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và công nhân viên được đánh giá khá, giỏi trên 80%.

Số tiết dạy sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin > 70% .

Có từ 20-25% cán bộ và giáo viên có trình độ Thạc sĩ trở lên (Hiện tại là 17,63%).

Phân đầu 100% bộ môn có giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ (Hiện tại là 5/13 bộ môn).

2.2. Học sinh

Quy mô trường lớp:

+ Lớp học: Hiện tại: 21. Đến năm 2030: 28 lớp.

+ Học sinh: Hiện tại: Gần 800 học sinh. Đến năm 2030: Hơn 1000 học sinh.

Chất lượng giáo dục văn hóa:

+ Học lực Khá, Giỏi: đạt 60% trở lên (trong đó 15% học lực Giỏi trở lên)

+ Tỷ lệ học sinh có học lực Yếu < 1%. Không có học sinh Kém.

+ Thi đỗ TN THPT: 100%, trong đó học sinh lớp 12 đỗ vào Đại học, Cao đẳng: Trên 60%.

+ Thi học sinh giỏi tỉnh lớp 12: Tất cả các môn tham dự đều có giải, số, thứ hạng tập thể trong top từ 20 -25 trong khối các trường THPT công lập.

Chất lượng giáo dục đạo đức.

+ Chất lượng đạo đức: 98% hạnh kiểm Khá, Tốt trở lên.

+ Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện.

+ Học sinh được rèn thói quen tự học một cách chủ động sáng tạo.

2.3. Cơ sở vật chất

Cải tạo khu nhà 12 phòng thành 18 phòng. Xây mới dãy nhà 10 phòng thành 15 phòng. Xây dựng thư viện đạt chuẩn. Trang bị các thiết bị phục vụ dạy, học và làm việc đạt chuẩn. Mở rộng khuôn viên nhà trường, có khu trải nghiệm cho học sinh theo nội dung của chương trình giáo dục phổ thông mới. Có phòng học bộ môn Ngoại ngữ; phòng học đa chức năng; phòng học các bộ môn KHXH; phòng thiết bị giáo dục.

Các phòng tin học, phòng học bộ môn ngoại ngữ, phòng đa chức năng được trang bị theo hướng hiện đại.

Xây dựng nhà trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”

Xây dựng "Trường học hạnh phúc"

VI. GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

1. Xây dựng, củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

1.1. Nội dung giải pháp:

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn tốt; có trình độ Tin học, ngoại ngữ cơ bản, có phong cách sư phạm mẫu mực. Đoàn kết, tâm huyết, gắn bó với nhà trường, hợp tác, chia sẻ giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

Làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, phân công sắp xếp đúng người, đúng việc, đúng năng lực sở trường. Tập trung ưu tiên bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ.

Cụ thể:

- Làm tốt công tác tuyên truyền, tổ chức các buổi học tập các chuyên đề về “Học và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các chuyên đề về đạo đức, năng lực của nhà giáo, nghề giáo.

- Nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn

- Nâng cao chất lượng của công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý

- Cử cán bộ giáo viên tham gia học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh

- Cử giáo viên đi đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, về các nội dung đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục và đào tạo; đi học sau đại học...

- Tổ chức Hội giảng cấp trường, liên trường. Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, chọn cử giáo viên tham gia thi giáo viên giỏi cấp tỉnh.

- Cử cán bộ, giáo viên tham gia các cuộc thi, hội thi, phong trào dành cho giáo viên cấp tỉnh, quốc gia, quốc tế, giáo viên toàn cầu, giáo viên sáng tạo trên nền tảng công nghệ...

- Xây dựng quy chế khuyến khích giáo viên: khen thưởng, động viên kịp thời; có biện pháp hỗ trợ những giáo viên khó khăn trong chuyên môn, nghiệp vụ; phát huy tinh thần dân chủ, cởi mở, sáng tạo, trí tuệ tập thể.

1.2. Người phụ trách: Ban Giám hiệu, Tổ trưởng chuyên môn

1.3. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Hàng năm, theo lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

1.4. Nguồn lực thực hiện giải pháp: Từ nguồn ngân sách được cấp, từ nguồn vận động tài trợ

1.5. Dự kiến kết quả:

- + Có từ 15% cán bộ và giáo viên có trình độ Thạc sỹ trở lên.

- + 100% bộ môn có giáo viên đạt trình độ Thạc sỹ.

+ 100% các đ/c trong BGH, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TN, Tổ trưởng chuyên môn có bằng Cao cấp và trung cấp lý luận chính trị.

+ 100% giáo viên các bộ môn được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục học sinh

2.1. Nội dung giải pháp:

Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục toàn diện, đặc biệt là chất lượng giáo dục đạo đức và chất lượng văn hoá. Đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh phù hợp với mục tiêu, nội dung chương trình và đối tượng học sinh. Đổi mới các hoạt động giáo dục, hoạt động tập thể, gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn; trang bị cho học sinh có được những kỹ năng sống cơ bản thông qua các hoạt động ngoài giờ chính khoá, hoạt động trải nghiệm. Tăng cường khả năng ngoại ngữ cho học sinh về kỹ năng nghe, nói.

Cụ thể:

- Bồi đắp niềm tự hào về mái trường, ý thức xây dựng hình ảnh học sinh trường THPT Trần Văn Lan (chăm chỉ, trung thực, có khát vọng vươn lên) thông qua hình thức tuyên truyền, tổ chức các cuộc thi về thầy cô, mái trường...

- Quan tâm sát sao nền nếp học sinh. Học sinh được chủ động trong việc xây dựng nội quy lớp học, nội quy nhà trường. Phát huy tinh thần dân chủ bên cạnh việc giữ vững nền nếp, kỷ cương. Hàng năm tổ chức đối thoại với học sinh theo kỳ (cuối học kì I và cuối năm học), lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và những ý kiến đóng góp của các em để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tăng cường hình thức sinh hoạt câu lạc bộ và các hoạt động ngoài giờ chính khoá: TDTT (bóng đá, kéo co, aerobic, bóng rổ, cầu lông, bơi...), văn nghệ, tin học và truyền thông, tình nguyện, nấu ăn, ngoại ngữ, STEM (Hiện tại có 07 câu lạc bộ hoạt động). Đặc biệt quan tâm đến câu lạc bộ STEM, câu lạc bộ ngoại ngữ. Khuyến khích học sinh tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng các bài học vào thực tiễn. Tạo điều kiện để các trung tâm ngoại ngữ, các tổ chức du học có uy tín thường xuyên cung cấp thông tin, đặt hàng đào tạo cho học sinh du học, xuất khẩu lao động. Tận dụng sự hỗ trợ của các trung tâm du học, xuất khẩu lao động để tổ chức cho học sinh học các ngoại ngữ khác nhau như: tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nhật, tiếng Trung...

- Đổi mới các hoạt động của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, trong đó lấy ý thức, trách nhiệm, tinh thần cống hiến vì cộng đồng của tuổi trẻ làm căn cốt: Tổ chức các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng (chăm sóc bệnh nhân nghèo tại bệnh viện tỉnh, phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc các di tích văn hoá, lịch sử của địa phương, tham gia các hoạt động góp phần xây dựng nông thôn mới, dọn dẹp vệ sinh, rác thải, trồng và chăm sóc cây, hoa...). Tổ chức các hoạt động của Đoàn nhằm tạo luồng sinh khí, không khí tươi mới, thể hiện sự sáng tạo, sức trẻ của đoàn viên, thanh niên: các cuộc thi văn nghệ, TDTT

(dân vũ, kéo co, các trò chơi dân gian, nhảy hiện đại...), các cuộc thi sáng tạo KHKT, STEM, đổi mới các chuyên mục sinh hoạt đầu tuần (mỗi lớp tự thiết kế, tự tổ chức và thể hiện một chuyên mục đầu tuần...)

- Thường xuyên quan tâm, bồi dưỡng nghiệp vụ cho giáo viên chủ nhiệm và cán bộ làm công tác Đoàn. Tổ chức tập huấn, chia sẻ các tài liệu có giá trị về công tác GVCN, cử GVCN tham gia các khóa bồi dưỡng về tư vấn tâm lý, về kỹ năng làm công tác GVCN ở trường THPT. Đổi mới giờ sinh hoạt của GVCN, tăng cường trao đổi các chuyên đề về công tác chủ nhiệm, các tình huống sư phạm cần giải quyết... Tổ chức thi GVCN giỏi...

- Thực hiện sự đánh giá học sinh theo quá trình, vì sự tiến bộ của người học.

2.2. Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Bí thư Đoàn TN, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, Hội cha mẹ học sinh nhà trường.

2.3. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Thường xuyên, liên tục, theo kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

2.4. Nguồn lực thực hiện giải pháp: Từ nguồn vận động tài trợ, từ sự ủng hộ của Hội cha mẹ học sinh.

2.5. Dự kiến kết quả:

+ Từ năm học 2021-2022: 100% học sinh được tham gia các hoạt động ngoài giờ chính khóa, được dạy các kỹ năng cơ bản: kỹ năng sinh tồn, kỹ năng ứng phó với các tình huống nguy hiểm, đảm bảo an toàn cho bản thân; kỹ năng giao tiếp ứng xử...

+ Có ít nhất 03 CLB được học sinh đánh giá ở mức hài lòng trở lên (hiện tại có 01 câu lạc bộ được học sinh đánh giá ở mức hài lòng), (thăm dò ý kiến học sinh qua hình thức phiếu hỏi)

+ 100% giáo viên chủ nhiệm được đánh giá đạt mức Khá trở lên trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, trong đó có 30-50% đạt mức Tốt.

3. Cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục

3.1. Nội dung giải pháp:

Xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hoá. Bảo quản và sử dụng hiệu quả, lâu dài.

Cụ thể:

+ Kêu gọi, vận động tài trợ của các doanh nghiệp, của CMHS, cựu HS

+ Tận dụng nguồn kinh phí được cấp để trang bị dần các trang thiết bị thiết yếu phục vụ hoạt động dạy và học theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hoá.

3.2. Người phụ trách: Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Trưởng ban đại diện Hội cha mẹ học sinh nhà trường, Trưởng ban liên lạc Hội cựu học sinh, kế toán, nhân viên thiết bị.

3.3. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Theo kế hoạch và lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

3.4. Nguồn lực thực hiện giải pháp: Từ nguồn kinh phí được cấp, từ nguồn vận động tài trợ, từ sự ủng hộ của Hội cha mẹ học sinh, của các doanh nghiệp, của cựu học sinh thành đạt

3.5. Dự kiến kết quả:

- + Nâng cấp lán xe của học sinh: mở rộng, làm mái che kiên cố;
- + Có thư viện đạt chuẩn theo quy định;
- + Có khu trải nghiệm cho học sinh theo nội dung của chương trình giáo dục phổ thông mới. Có phòng học bộ môn Ngoại ngữ; phòng học đa chức năng; phòng học các bộ môn KHXH; phòng thiết bị giáo dục;
- + Các phòng tin học, phòng học bộ môn ngoại ngữ, phòng đa chức năng được trang bị theo hướng hiện đại.

4. Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin

4.1. Nội dung giải pháp:

Triển khai rộng rãi việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giảng dạy, xây dựng kho học liệu điện tử, thư viện điện tử... Góp phần nâng cao chất lượng quản lý, dạy và học. Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tự học hoặc theo học các lớp bồi dưỡng để sử dụng thành thạo công nghệ thông tin phục vụ cho công việc, có kế hoạch cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mua sắm máy tính cá nhân.

Cụ thể:

+ Triệt để khai thác các tiện ích của CNTT trong quản lý, giảng dạy: Sử dụng các phần mềm công việc, phần mềm dạy học, google drive, zalo, các hình thức làm việc trực tuyến...

+ Bồi dưỡng đội ngũ về trình độ sử dụng CNTT: Tổ chức tập huấn, tăng cường giao việc, làm việc trên nền CNTT. Liên tục cập nhật những phần mềm mới, có tiện ích hơn phục vụ quản lý, dạy học.

4.2. Người phụ trách: Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn, bộ môn Tin học.

4.3. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Thường xuyên, liên tục

4.4. Nguồn lực thực hiện giải pháp: Từ nguồn kinh phí được cấp, từ nguồn vận động tài trợ, từ sự ủng hộ của Hội cha mẹ học sinh, của các doanh nghiệp, của cựu học sinh thành đạt

4.5. Dự kiến kết quả:

- + 100% cán bộ giáo viên thành thạo trong việc sử dụng một số phần mềm cơ bản, tiện ích phục vụ công tác quản lý, giảng dạy, giáo dục.
- + 100% các môn có kho học liệu điện tử có chất lượng

+ Có ít nhất 01 giáo viên có khả năng đáp ứng yêu cầu trở thành giáo viên ứng dụng được CNTT ở trình độ cao.

5. Huy động mọi nguồn lực xã hội vào hoạt động giáo dục

5.1. Nội dung giải pháp:

Xây dựng nhà trường văn hoá, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Huy động được các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào việc phát triển Nhà trường.

+ Nguồn lực tài chính:

Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ngân sách: Huy động CMHS, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, kêu gọi ủng hộ của cựu học sinh.

+ Nguồn lực vật chất:

Khuôn viên nhà trường, phòng học, phòng làm việc và các công trình phụ trợ.

Trang thiết bị giảng dạy, công nghệ phục vụ dạy - học.

Cụ thể:

+ Khuyến khích cán bộ, giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo dựng uy tín bằng việc sáng tạo và triển khai các dự án KHKT đem lại lợi ích, thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

+ Kêu gọi các nhà tài trợ thành lập “Quỹ phát triển tài năng trẻ”, khuyến học, khuyến tài.

+ Liên kết với một số doanh nghiệp quan tâm đến giáo dục và các trường THPT khu vực thành phố Nam Định để xây dựng khu trải nghiệm cho học sinh đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới. Nhà trường chịu trách nhiệm về mặt bằng, và một phần chi phí đầu tư, sau đó cùng doanh nghiệp thu hồi vốn bằng hình thức cho các trường THPT thuê để thực hiện nội dung giảng dạy. Sau khi hoàn vốn cho doanh nghiệp đã đầu tư nhà trường có toàn quyền sử dụng khu trải nghiệm.

5.2. Người phụ trách: Ban giám hiệu, Ban CHCD, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

5.3. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Thường xuyên, liên tục

5.4. Nguồn lực thực hiện giải pháp: Từ nguồn kinh phí được cấp, từ nguồn vận động tài trợ, từ sự ủng hộ của Hội cha mẹ học sinh, của các doanh nghiệp, của cựu học sinh thành đạt

5.5. Dự kiến kết quả:

+ Mỗi năm kêu gọi vận động tài trợ cho Quỹ khuyến học, Phát triển tài năng trẻ từ 50-75 triệu đồng.

+ Có ít nhất 01 dự án rau sạch tìm được đầu ra có thu nhập ổn định khoảng 500.000 đến 1 triệu đồng/ tháng

+ Kêu gọi được ít nhất 01 doanh nghiệp nhận đỡ đầu cho nhà trường trong việc triển khai các dự án đổi mới giáo dục đào tạo.

Người phụ trách: Ban giám hiệu, Ban chấp hành công đoàn,

6. Xây dựng hình ảnh, uy tín của nhà trường

6.1. Nội dung giải pháp:

Xây dựng hình ảnh và tín nhiệm của xã hội đối với Nhà trường.

Xác lập tín nhiệm, hình ảnh đối với từng cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống Nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng hình ảnh của Nhà trường.

Giải pháp cụ thể:

+ Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

+ Làm tốt công tác truyền thông.

6.2. Người phụ trách: Ban giám hiệu, Ban CHCD, Tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, Ban đại diện cha mẹ học sinh.

6.3. Thời gian bắt đầu và kết thúc: Thường xuyên, liên tục

6.4. Nguồn lực thực hiện giải pháp: Từ nguồn kinh phí được cấp, từ nguồn vận động tài trợ, từ sự ủng hộ của Hội cha mẹ học sinh, của các doanh nghiệp, của cựu học sinh thành đạt

6.5. Dự kiến kết quả:

+ Số lượng học sinh có chất lượng dự thi vào trường tăng lên (có nhiều học sinh khá, giỏi, chăm ngoan)

+ Chỉ số hài lòng của người dân về nhà trường đạt ở mức độ ít nhất từ Khá trở lên (thăm dò qua phiếu khảo sát)

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược

Tuyên truyền và xác lập nhận thức về tầm quan trọng của kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường trong giai đoạn 2021- 2025 và tầm nhìn đến 2030.

Kế hoạch chiến lược được Hội đồng trường phê duyệt, báo cáo cơ quan chủ quản, phổ biến rộng rãi tới toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường, cha mẹ học sinh, học sinh và các tổ chức cá nhân quan tâm đến nhà trường.

2. Tổ chức điều hành

Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch chiến lược là bộ phận chịu trách nhiệm điều phối quá trình triển khai kế hoạch chiến lược. Điều chỉnh kế hoạch chiến lược sau từng giai đoạn sát với tình hình thực tế của nhà trường.

3. Lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược

Giai đoạn 1: Từ năm 2021-2022: Xác lập nền nếp kỷ cương theo tiêu chuẩn và đưa các hoạt động giáo dục vào nền nếp.

Giai đoạn 2: Từ năm 2022-2023: Tiếp tục phát huy, khẳng định uy tín và hình ảnh của nhà trường là một cơ sở giáo dục có chất lượng giáo dục toàn diện đáp ứng được yêu cầu của xã hội, hoàn thành mục tiêu xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng và chuẩn cấp độ 2.

Giai đoạn 3: Từ năm 2023-2025: Thực hiện các sứ mệnh của chiến lược phát triển nhà trường: *“Tạo dựng được môi trường học tập và rèn luyện có nền nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của bản thân”*.

4. Đối với Hiệu trưởng

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Thành lập Ban kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

5. Đối với các Phó hiệu trưởng

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

6. Đối với các tổ chức đoàn thể

Đẩy mạnh tuyên truyền vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh hăng hái thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị cơ bản của từng năm học. Làm tốt công tác tham mưu, đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường

7. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

8. Đối với cá nhân cán bộ, giáo viên, nhân viên

Căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

9. Đối với học sinh và cha mẹ học sinh

Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, từng kỳ và cả năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và tổ chức Đoàn thanh niên.

Tích cực hoạt động tự quản, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện kỹ năng sống.

Đẩy mạnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh một cách có hiệu quả, làm tốt cuộc vận động xã hội hoá giáo dục trong và ngoài nhà trường.

VIII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trên đây là kế hoạch chiến lược phát triển của trường THPT Trần Văn Lan trong giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được thông qua Hội đồng giáo dục của nhà trường và tán thành 100%. Các cá nhân, đơn vị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo phân công. Trong quá trình thực hiện, sẽ rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch, chỉ tiêu cho phù hợp với tình hình mới thông qua các cuộc họp giao ban và định kỳ./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Nam Định;
- Tổ, nhóm CM;
- Cán bộ GV nhà trường;
- Website nhà trường;
- Lưu: VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Gấm

PHÊ DUYỆT

Hội đồng trường THPT Trần Văn Lan nhiệm kỳ 2021-2026 đồng ý thông qua Kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Trần Văn Lan giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030.

Mỹ Lộc, ngày 27 tháng 5 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Mai Thị Lùng